

Biến đổi trong sản xuất nông nghiệp ở làng chiêm trũng châu thổ Bắc Bộ (nghiên cứu trường hợp làng Xuân La, xã Phụng Dục, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội)

Nghiêm Xuân Mừng¹

Nhận ngày 29 tháng 4 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 6 năm 2021.

Tóm tắt: Sản xuất nông nghiệp là hoạt động kinh tế chủ yếu của người nông dân Việt Nam. Vài chục năm sau Đổi mới (1986), dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường và xu thế hiện đại hóa, nền nông nghiệp ở các làng quê ở châu thổ Bắc Bộ cũng có những biến đổi mạnh mẽ. Nghiên cứu về biến đổi trong sản xuất nông nghiệp ở các làng chiêm trũng châu thổ Bắc Bộ có mục đích nhận diện các đặc điểm của sự biến đổi trong tập quán sản xuất của người dân, kéo theo sự biến đổi về văn hóa; đồng thời giúp các nhà quản lý trong việc hoạch định chính sách phát triển nông nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

Từ khóa: Bắc Bộ, nông nghiệp, sản xuất, Xuân La.

Phân loại ngành: Văn hóa học

Abstract: Agricultural production is the main economic activity of Vietnamese farmers. A few decades after Doi Moi (Renovation) (1986), under the influence of the market economy and the trend of modernisation, agriculture in the villages in the Northern Delta has undergone drastic changes. This research studies changes in agricultural production in lowland villages in the Northern Delta, aiming at identifying the characteristics of changes in people's production practices which result in cultural changes; at the same time, it helps managers in making policies for agricultural development in particular and economic development in general.

Keywords: Northern Vietnam, agriculture, production, Xuan La.

Subject classification: Cultural Studies

¹ Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.
Email: xuanmung79@gmail.com

1. Mở đầu

Ở châu thổ Bắc Bộ, do có sự khác biệt về cảnh quan thiên nhiên, cấu tạo địa chất, địa hình mà hoạt động sản xuất nông nghiệp của cư dân vùng đồng chiêm trũng cũng có những khác biệt so với sản xuất nông nghiệp của cư dân vùng đồng mùa, thể hiện ở việc bố trí mùa vụ, cơ cấu cây trồng, bộ nông cụ, các thao tác kỹ thuật của nghề trồng lúa... Sau Đổi mới, dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường và xu thế hiện đại hóa, nền sản xuất nông nghiệp của cư dân vùng đồng chiêm trũng đã có những biến đổi mạnh mẽ.

Sản xuất nông nghiệp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi. Trong phạm vi bài viết, tác giả chủ yếu nhấn mạnh đến hoạt động trồng trọt, cốt lõi là trồng lúa nước, ở làng Xuân La.

Về phương pháp nghiên cứu, tác giả sử dụng một số phương pháp chủ yếu như: phương pháp điền dã để thu thập tư liệu từ thực địa; phương pháp hệ thống, đặt sản xuất nông nghiệp làng Xuân La trong mối quan hệ tổng thể với các yếu tố khác như môi trường cảnh quan, điều kiện kinh tế của làng, của vùng để làm rõ những đặc trưng trong sản xuất nông nghiệp chiêm trũng truyền thống; phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu; phương pháp so sánh..., để chỉ ra sự biến đổi giữa sản xuất nông nghiệp hiện đại với sản xuất nông nghiệp truyền thống, đồng thời nhận diện các nhân tố tác động đến sự biến đổi.

Ngày nay, làng Xuân La là một trong 3 thôn của xã Phụng Dực, nằm ở phía tây bắc huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. Diện tích đất thổ cư của làng là 255.000m², đất thổ canh là 1.427.496m². Dân số có 1.091 hộ với trên 4.000 nhân khẩu. Trong

truyền thống, ngoài mưu sinh chủ yếu bằng nghề làm ruộng trồng lúa nước, người dân còn tổ chức làm một số nghề phụ như nấu rượu, làm bánh đa, bánh cuốn, nặn tò he... Đặc biệt, tò he là nghề truyền thống của làng nay đã trở nên nổi tiếng cả nước.

Về mặt địa hình, làng Xuân La nằm trong vùng trũng của châu thổ sông Hồng với độ cao từ 2 - 4 m so với mực nước biển. Cũng như các làng quê thuộc vùng chiêm trũng khác ở châu thổ Bắc Bộ, trước Cách mạng tháng Tám (1945) ở Xuân La, mỗi khi mùa mưa đến, hiện tượng ngập úng thường xuyên xảy ra, biến cả làng thành một “ốc đảo”, cách biệt hoàn toàn so với các làng xung quanh (Xuân Quế, 2008, tr.9). Cũng chính vì làm ruộng ở vùng trũng bao đời như thế nên đã tạo ra cho sản xuất nông nghiệp ở đây mang những đặc trưng chiêm trũng rất điển hình, từ việc chế tạo ra các nông cụ cho đến việc cày bừa, canh tác, bố trí cơ cấu mùa vụ, giống cây trồng... đều có những nét khác biệt so với sản xuất nông nghiệp ở các làng đồng mùa.

2. Sản xuất nông nghiệp của làng Xuân La truyền thống

2.1. Các nông cụ tiêu biểu

Nông cụ là những dụng cụ được người nông dân sáng tạo ra phục vụ cho việc làm ruộng, thu hoạch, vận chuyển, bảo quản và chế biến sản phẩm. Về cơ bản, giống như các làng quê vùng đồng chiêm trũng, để sản xuất nông nghiệp, người dân Xuân La đã sử dụng những nông cụ đặc trưng thích ứng với điều kiện môi trường. Trong số những nông cụ tiêu biểu, có thể kể đến

chiếc “a” cỏ, là một dụng cụ làm bằng sắt, hình tam giác, có răng cưa rất sắc dùng để làm sạch cỏ trước khi cày ruộng. Trước đây, vào khoảng từ tháng 8 đến tháng 10, ở đồng ruộng Xuân La, tại những chân ruộng thấp có rất nhiều cỏ năn, cỏ lác, người dân phải dùng “a” để đẩy cho đứt cỏ gọi là “đi a cỏ”. Sau khi “a” xong, cỏ được vớt lên bờ. Về cấu tạo, “a” gồm 3 bộ phận: lưỡi, cán, tay cầm. Lưỡi “a” làm bằng sắt hoặc tôn hình tam giác, răng cưa, rất sắc, mũi làm bằng kim loại uốn cong hoặc gốc tre cong để khi đẩy, cỏ sẽ tách sang hai bên. Cán dài khoảng 3 - 4 m. Phần tay cầm làm bằng thanh tre hoặc gỗ ngang, chiều dài khoảng 30 - 40 cm. Khi làm cỏ, người nông dân phải lội xuống ruộng ngập nước, cầm “a” đẩy mạnh vào đám cỏ, những chiếc răng cưa sắc bén của lưỡi “a” tức khắc sẽ làm đứt thân những cây cỏ cao (chủ yếu là cỏ năn và cỏ lác).

Dụng cụ để gặt lúa tiêu biểu là “hái”, làm bằng gỗ có lắp lưỡi sắt. Về cấu tạo “hái” gồm 3 bộ phận là trú hái, vôi hái và lưỡi hái. Vôi để ngoặt lúa, lưỡi làm bằng sắt gắn vào thân, phần cuối thân “hái” là tay cầm có quai đeo giữ cổ tay. Toàn bộ chiếc hái giống hình dạng chữ V. Khi gặt, người ta đưa hái vào đám lúa, lúa được thu vào trong phía lưỡi để cắt non nửa cây lúa. Ở đồng chiêm trũng, chỉ có những giống lúa cao cây, thân cứng như gié đen, lúa sừng, lúa hóp, nếp chiêm... Vì thế, khi gặt phải dùng hái gỗ có vôi cong nhiều và to bản thì mới “đánh gôi” được². Sau khi cắt xong thửa ruộng, người ta đem thu gôi vào bó

thành từng bó để vận chuyển về nhà. Do thân lúa cao nên khi gặp gió hay bị đổ, vôi hái có tác dụng kéo cây lúa bị đổ lên đưa vào phía trong lòng người gặt cho vừa cầm tay, gặt nhanh hơn mà không phải cúi nhiều, đỡ mất sức.

Đối với một làng quê chiêm trũng như Xuân La thì chiếc cày để cày ruộng cũng có những đặc trưng riêng, khác với cày ở vùng đồng mùa hoặc vùng cao là loại cày mũi dùi hoặc còn gọi là cày “chìa vôi”. Loại cày “chìa vôi” của vùng đồng mùa có đặc điểm mũi nhọn, khi cắm mũi cày xuống đất và kéo đi, đất sẽ được xới lên và đổ về hai phía, thích hợp cho việc xới luống, gieo hạt. Còn cày của đồng chiêm là loại “cày 51”. Về cấu tạo, ngoài các bộ phận chung giống như cày “chìa vôi”, “cày 51” có đặc điểm khác biệt, đó là phần lưỡi cày được thiết kế uốn cong để khi cày, đất đổ về bên phải tạo ra luống đều nhau, thích hợp với đồng trũng.

Ngoài cày, để làm ruộng người dân còn dùng cuốc để cuốc ruộng. Cuốc có 3 loại: (1) *cuốc bàn sắt* để cuốc những ruộng đất rắn, phạt bờ (cho hết cỏ); (2) *cuốc bàn mai* dùng để hót luống trông màu và phạt bờ, cuốc ruộng đất mềm; (3) *cuốc xẻng*, loại cuốc sau này mới dùng để cuốc ruộng đồng lầy thay trâu, năng suất hơn cuốc bàn mai và bàn sắt.

Để vận chuyển lúa trong mùa thu hoạch, ngoài gánh là phổ biến, người dân còn dùng thuyền mỗi khi mưa về ruộng đồng ngập nước. Loại thuyền truyền thống được sử dụng phổ biến là thuyền thúng (hay còn gọi là thuyền nan). Về cấu tạo, thuyền nan (hay thuyền thúng) đan bằng tre, hình bầu dục, dài khoảng 2,5 m, lòng sâu khoảng 30 - 35 cm, có 3 *náng* ngang. Toàn bộ thành và lòng thuyền cả trong lẫn ngoài được trát bằng lá sắn hoặc sơn ta trộn mùn cưa cho

² Gôi, từ địa phương tức là rạ (phần dưới của cây lúa) được đánh thành những khóm vuông để đặt những khóm lúa nhỏ đã cắt lên trên, sau khi cắt lúa xong cả ruộng, người ta thu từng gôi lúa lại rồi bó thành từng bó, vận chuyển về nhà.

kín, nước khỏi ngấm vào. Ngoài để vận chuyển nông sản, thuyền nan còn được dùng để đi lại trên sông nước, để câu và đánh bắt cá trên mặt nước.

2.2. Các thao tác kỹ thuật mang tính đặc trưng chiêm trũng

Về kỹ thuật làm ruộng, để thích ứng với môi trường chiêm trũng, người dân Xuân La từ xa xưa đã không ngừng sáng tạo và áp dụng một số thao tác kỹ thuật đặc thù:

Cày cấy vè: cày phải cấy vè, tức là dùng những thanh tre nhỏ, dài để cấy ở đầu bờ định hướng cho đường cày và rãnh cày. Trước khi cày, đầu tiên người ta phải cấy bốn cái vè ở bốn góc ruộng. Cày luống thứ nhất, phải chọn điểm mốc (có thể là một cái cây to ở xa). Cày rãnh đầu tiên, cứ theo mốc đó mà cày cho thẳng, từng đoạn vài ba mét lại cấy một cái vè ở bên cạnh, cách rãnh cày khoảng 20 cm; đến bờ ruộng bên kia thì quay lại cấy một vè; khi quay lại một lần nữa, thì rãnh cày thứ 3 này khớp với hàng vè đã cấy. Những hàng vè ấy lại được cấy sang cạnh, khoảng cách 20 cm. Cứ như thế cho đến khi cày xong thửa ruộng. Về sau, khi công tác thủy lợi được đảm bảo, lúc cày người ta không phải cấy vè nữa.

Làm mạ: chọn giống tốt từ khi mới gặt (nhiều người chọn từ ruộng khi lúa bắt đầu chín), phơi khô, quạt sạch để vào chum riêng. Đến mùa cấy đem thóc cho vào bao tải hoặc các giành tre, phủ rơm lên trên, cài nan tre cho rơm không bung ra, đem ngâm dưới nước một ngày đêm. Sau đó vớt lên, dùng rá dãi nước chua đi, tiếp đó đổ vào nia hoặc để ở nền nhà, đánh đồng, dùng tải gai đắp lên trên, dùng rơm ướt đắp kín bên ngoài để tạo độ nóng cho thóc nảy mầm. Trong thời gian đó, cứ nửa ngày phải kiểm

tra xem độ nóng đến đâu rồi dùng tay trộn đều. Khi thấy thóc nứt nanh đều thì cho ra các giành tre đem ngâm xuống nước khoảng 1 ngày, vớt lên, đổ ra các nong, nia cho ráo nước. Lấy tải phủ lên trên để giữ độ ẩm nhất định, khi mọc ra mầm thì đem đi gieo. Nếu làm đúng kỹ thuật thì mầm mọc mập, dài, rễ ngắn, khi gieo xuống ruộng mọc không bị vón cục. Ủ không đúng kỹ thuật thì ngược lại mầm ngắn, rễ dài, khi gieo mọc bị vón cục, không đều.

Để làm mạ, khi cày, bừa xong phải đánh ống, dùng một ống bương dài khoảng 2 m, có 9 lỗ cấy rãnh bừa có dây thừng buộc vào cho trâu kéo trên mặt ruộng, sao cho luống mạ lồi ở giữa gọi là “lùm mặt gương”, thấp ở xung quanh. Sau đó đến công đoạn chữa, tức là cuốc đất xung quanh hắt vào trong luống, xong san phẳng cho hết những vết lồi lõm trên mặt luống, dùng đòn gánh dài cán phẳng, đợi một lát cho mặt luống hơi se mới gieo mạ xuống. Khi gieo mạ, người gieo đi bên rìa luống, tay trái cắp thúng, tay phải cầm mạ gieo xuống mặt luống, đi giật lùi, đồng thời phải điều chỉnh tay mình sao cho hạt mạ gieo xuống ruộng nửa chìm nửa nổi (còn gọi là “mắt cua”) là đẹp nhất. Khi gieo mạ, người gieo bao giờ cũng phải bớt lại một ít trong thúng để gieo xong lần đầu thấy chỗ nào trên mặt luống còn thừa thì tiếp tục gieo bổ sung vào cho đều. Trước đây, mạ khoảng hơn 1 tháng mới nhổ lên, rửa sạch bùn đất bám ở rễ, đem đi cấy, gọi là “mạ già ruộng ngấu”. Ngày nay, thời gian mạ sinh trưởng rút ngắn hơn, khoảng 15 - 20 ngày là có thể cấy được. Bên cạnh đó, để phòng mạ chết do thời tiết giá rét hoặc sương muối, người ta dùng ni lông căng phủ lên trên. Ngoài gieo mạ ở ruộng, còn có thể gieo ở sân, vườn.

Bón phân: sau khi ruộng được cày bừa xong chuẩn bị gieo cấy là công đoạn bón phân, người dân ở đây gọi là “bón lót”. Phân dùng phân bắc, (tức là phân người trộn với tro bếp đem ủ một thời gian), phân chuồng (phân gia súc, gia cầm được tận dụng từ chăn nuôi trong hộ gia đình, trộn với tro bếp hoặc rơm rạ ủ cho hoai mục), rồi đem ra rắc đều trên mặt ruộng, sau đó mới cấy.

Cấy lúa: khi cấy, người cấy tay trái cầm mạ tì lên đầu gối trái, tay phải rút mạ cắm xuống ruộng, về sau cải tiến không tì tay lên đầu gối nữa. Cấy lúa phải đảm bảo thẳng hàng: “Vuông mắt sàng, sang mắt sọt”, tức là cấy sao cho hàng ngang, hàng dọc và hàng chéo đều phải thẳng nhau; “Thưa hàng sông, đông hàng con”, khoảng cách giữa hàng trước với hàng sau gọi là hàng sông, cách nhau khoảng 20 cm, khoảng cách từ cây nọ sang cây kia cùng một hàng gọi là hàng con, mỗi cây cách nhau khoảng 15 cm.

Làm cỏ: khi cây lúa sinh trưởng được khoảng 20 - 25 ngày, người dân tiến hành công đoạn làm cỏ. Họ lợi trực tiếp xuống ruộng, làm sạch những cây cỏ mọc xen vào cây lúa. Tiếp đó, dùng 10 đầu ngón tay cào sục xuống bùn, xung quanh gốc lúa, làm đứt bớt rễ cho lúa sinh trưởng nhanh. Tục ngữ có câu “Công bón phân là công bỏ, công làm cỏ là công ăn” chính là kinh nghiệm này của nhà nông.

Về thu hoạch lúa: ở Xuân La còn có một đặc điểm liên quan đến lịch canh tác của nông dân vùng đồng chiêm trũng, đó là vào tháng Tư âm lịch, khi vụ gặt chiêm bắt đầu cũng là lúc mùa mưa đến, kinh nghiệm nhiều đời của người dân ở đây đúc kết là càng gặt sớm càng tốt: “Lúa hoa ngâu, đi đâu không gặt?”, “Xanh nhà hơn già đồng” (thà gặt lúa về nhà còn hơi xanh, chưa thật

chín, còn hơn để ngoài đồng cho lúa chín vàng mới gặt), vì không gặt nhanh sẽ có những cơn mưa rào ập xuống, nước tràn về, đồng ruộng ngập úng, phải “gặt mò” dưới nước hoặc đi vớt lúa, nhiều khi mất trắng và cày phải cấy về, rất vất vả. Đây cũng là những đặc điểm chung của các làng vùng đồng chiêm trũng.

2.3. Cơ cấu mùa vụ, cây trồng

Từ năm 1954 trở về trước, người dân Xuân La một năm chỉ cấy một vụ chiêm, năng suất khoảng 50 - 60kg/ sào/ vụ. Giống lúa được gieo cấy gồm có các loại: lúa chiêm (còn gọi là lúa tẻ), lúa nếp trắng (cấy ở những chân ruộng trũng, cây cao, bông dài, gạo dẻo nhưng không thơm), nếp cái hoa vàng, nếp quýt, nếp cái Đồng Bề, nếp cái đứng đồng (thân cao, không đổ), lúa nếp râu (hạt thóc có râu dài 0,2 - 3 mm), lúa hóp, lúa tám cánh, gié đen, gié cánh. Ngoài ra, còn có các giống lúa khác như: tám thơm (hạt nhỏ, dài, trắng trong, thơm ngon), lúa sụng (hạt to, màu nâu tím, chất đậm)... Từ năm 1960, có thêm các giống lúa mới như 813 (gọi là lúa Bác Hồ), lúa Nông nghiệp 8. Nhìn chung, các giống lúa cũ chịu được rét, cây cao, chịu được sâu bệnh, nhưng năng suất không cao, quá trình sinh trưởng phát triển dài ngày, cấy từ khoảng tháng Chạp âm lịch đến 15 tháng Tư âm lịch mới gặt được.

2.4. Hệ thống thủy lợi nội đồng

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), việc tưới tiêu trên đồng ruộng Xuân La hầu như phụ thuộc rất nhiều vào tự nhiên. Hệ thống mương máng hầu như chưa được khai thông, cải tạo. Chính vì vậy mà có tình trạng vào mùa khô hạn, để lấy được nước

tưới cho lúa, người nông dân phải tận dụng nước từ những con mương rất nhỏ hẹp hoặc những vũng nước ít ỏi trong đồng. Trong khi đó “Vào mùa mưa, nước dồn vào sông Nhuệ cùng với lượng mưa lớn thường gây ngập úng cục bộ, tràn vào đồng ruộng và khu dân cư, ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân” (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phượng Dực, 2014, tr.11). Cũng do nằm ở địa thế trũng, trước kia, để tiêu thoát nước ngập ruộng đồng, chức dịch của làng phải liên hệ nhờ các làng, xã xung quanh như: Văn Trai, Văn Hội (Phú Xuyên), An Lãng (Thường Tín). Thậm chí có những năm ngập úng, người dân ở đây phải tổ chức tháo nước “trộm” vào ban đêm sang xứ đồng các xã xung quanh, có khi dẫn đến những xung đột giữa các làng. Từ năm 1937, người Pháp cho đào nắn con sông Nhuệ, xây dựng hệ thống thủy nông Đồng Quan gần Xuân La, cải thiện ít nhiều tình trạng tưới tiêu nước của làng, nhưng nhìn chung về cơ bản, hệ thống thủy lợi nội đồng vẫn chưa được cải tạo nhiều. Hiện tượng ngập úng, khó tiêu thoát nước vào mùa mưa vẫn thường xuyên xảy ra. Người dân thường dùng hình ảnh “sống ngâm da, chết ngâm xương”, “Sáu tháng đi bằng chân, sáu tháng đi bằng tay” (sáu tháng đi bộ, sáu tháng phải chèo thuyền) (Xuân Quế, 2008, tr.3) để diễn tả tình trạng này.

2.5. Sản lượng nông nghiệp và việc phân phối, tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp

Theo điều tra hồi cố từ người cao tuổi làng Xuân La, trước Cách mạng tháng Tám (1945), đồng ruộng của Xuân La chỉ cấy được một vụ và hoàn toàn cây lúa, không trồng được các loại cây hoa màu. Ngoài cây lúa, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia

cầm theo hình thức hộ gia đình như: trâu, lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng... Tuy nhiên, năng suất rất thấp, riêng về cấy lúa, ước tính bình quân những năm được mùa chỉ được khoảng 40 - 50kg/ sào (Bắc Bộ). Những năm thiên tai, dịch bệnh năng suất kém hơn, chỉ thu hoạch được khoảng 30 - 40kg/ sào. Có những năm ngập lụt bị mất trắng. Thóc gạo của người dân ngoài để ăn còn được dùng nấu rượu, làm bánh đa, bánh cuốn, làm bột nặn tò he bán cho trẻ em chơi. Ngoài lúa, người dân cũng trồng một số loại rau màu khác như rau muống, rau cải, rau cần... để làm thực phẩm cho bữa ăn, nhưng về cơ bản là ít do diện tích đất canh tác hẹp, cộng với tập quán sản xuất manh mún, không tạo thành vùng sản xuất chuyên canh. Rau màu cũng giống như thóc gạo, hoàn toàn mang tính tự cung, tự cấp.

Về chăn nuôi, cơ bản ở Xuân La cũng giống như các làng quê khác của châu thổ Bắc Bộ: trâu được nuôi để lấy sức kéo; lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng nuôi để lấy thịt cải thiện bữa ăn và dùng làm nguồn thực phẩm cho việc làm cỗ bàn trong gia đình và trong làng.

Nhìn chung trong truyền thống, năng suất và sản lượng nông nghiệp của cư dân làng Xuân La rất thấp và mang nặng tính tự cung, tự cấp. Từ đó dẫn đến cuộc sống của người dân rất đói, nghèo, khiến họ phải xoay sở đủ nghề để mưu sinh.

3. Những biến đổi trong sản xuất nông nghiệp ở Xuân La hiện nay

3.1. Biến đổi về cơ cấu mùa vụ cây trồng và quy hoạch đồng ruộng

Giống như các làng quê ở vùng châu thổ Bắc Bộ, từ sau hòa bình lập lại, do thực

hiện chính sách nông nghiệp của chế độ mới, công tác thủy lợi được quan tâm, nên đồng ruộng của Xuân La đã cấy được 2 vụ lúa, 1 vụ màu. Vụ màu còn gọi là vụ đông, thường được trồng khoai tây, ngô, đỗ tương... tăng thêm thu nhập đáng kể cho người dân. Vụ đông dần trở thành vụ sản xuất chính, nhân dân tích cực gieo trồng hết diện tích. Giá trị sản xuất trên một héc ta canh tác tăng từ 42 triệu đồng (2005) lên 55 triệu đồng (2010) (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phụng Dực, 2014, tr.273).

Đối với công tác dồn điền đổi thửa, quy hoạch đồng ruộng, năm 2012, công tác dồn điền đổi thửa của xã Phụng Dực thực hiện thành công đã mở ra một triển vọng mới cho sản xuất nông nghiệp của xã, trong đó có thôn Xuân La. Từ khi có chủ trương dồn điền đổi thửa, đồng ruộng của Xuân La được quy hoạch thành từng cánh, thuận lợi cho việc sản xuất, phát triển kinh tế. Từ năm 2012, việc dồn điền đổi thửa đã cơ bản hoàn thành. Từ nhiều ô, thửa/ hộ, phân tán manh mún trên nhiều cánh đồng nay chỉ còn 1 - 2 ô, thửa/ hộ, giúp cho việc chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp từ trồng lúa sang làm trang trại, chăn nuôi, thả cá và trồng các loại cây ăn quả... đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Cụ thể ở Xuân La đã quy hoạch đồng ruộng, quy hoạch điểm dân cư, quy hoạch nương máng, thủy lợi, giao thông nội đồng, cơ giới hóa đồng ruộng hoàn thành, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

3.2. *Biến đổi về nông cụ sản xuất*

Ngày nay, người dân Xuân La đã từng bước áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, thay thế hoàn

toàn các nông cụ trước đây. Đó là sử dụng máy cấy, máy cày, máy bừa, máy gặt thay thế cho sức người và trâu, bò. Hiện nay, ở Xuân La, các nông cụ truyền thống như cày, bừa, liềm, máy tuốt thủ công, thuyền, xe đạp thồ vận chuyển lúa, mạ, phân bón ra đồng... về cơ bản đã không còn được sử dụng. Từ năm 2015, người dân Xuân La và các làng vùng xung quanh đã đưa vào sử dụng loại máy gặt đập liên hợp Kubota DC60 do Thái Lan sản xuất, với giá gặt thuê từ 120 - 150.000đ/ sào. Với loại máy gặt đập liên hợp này, lúa được gặt tại ruộng, tuốt và quạt sạch, đóng bao và người dân chỉ việc vận chuyển về đem phơi. Ngay kể cả phương tiện vận chuyển hiện nay cũng đã được cơ giới hóa hoàn toàn. Trước đây, người dân phải trực tiếp dùng sức người gánh lúa về nhà hoặc dùng xe đạp thồ chuyên chở. Khoảng 10 năm trở lại đây, đường đồng được mở rộng và cứng hóa, lúa sau khi gặt đã được đóng bao rồi vận chuyển bằng xe công nông đầu ngang hoặc xe máy về tận nhà, rất nhàn sức cho người nông dân.

3.3. *Biến đổi về thao tác kỹ thuật sản xuất và thu hoạch*

Ngày nay, các công đoạn sản xuất như: ươm giống, cấy, làm cỏ, bón phân, thu hoạch ở Xuân La cũng có sự thay đổi nhiều so với trước. Ví dụ: khâu làm mạ, trước kia mạ gieo vào thời điểm tháng Chạp rất giá rét, thường bị chết, người nông dân chỉ có cách bỏ tro bếp rắc phủ lên ruộng mạ vừa gieo, giữ cho cây mạ được ấm. Tuy nhiên, gặp thời tiết khắc nghiệt, cây mạ vẫn có thể bị chết, người dân đã phòng tránh bằng cách phủ nilông trùm lên ruộng mạ, giữ ấm cho mạ sinh trưởng. Đối với công đoạn kỹ thuật nhổ và vận chuyển mạ, trước đây

người dân thường dùng liềm nạo cả mảng mạ, xếp vào thúng rồi vận chuyển xuống ruộng. Nhược điểm lớn của công đoạn kỹ thuật này là khâu vận chuyển rất cồng kềnh, người nông dân phải chuẩn bị rất nhiều thúng, mủng để đựng mạ, vận chuyển ra đồng, hơn nữa cây mạ ngắn và yếu ớt, thân dễ bị gãy. Khi cấy lúa xuống ruộng, lúa dễ bị gãy thân, đổ xuống mặt nước và chết, ảnh hưởng đến chất lượng sinh trưởng và năng suất của lúa. Khoảng 10 năm trở lại đây, người dân đã áp dụng việc đưa nước vào ruộng mạ, dùng kỹ thuật nhổ mạ để cấy lúa. Việc áp dụng công đoạn kỹ thuật này tạo cho cây lúa cứng cáp, khỏe. Khi cấy xuống ruộng, thân lúa không bị gãy đổ, khâu vận chuyển mạ ra đồng rất gọn nhẹ, không cồng kềnh như trước.

Đối với công đoạn chăm bón cho lúa, hiện nay việc bón phân người, phân gia súc, gia cầm (gọi chung là phân chuồng hay phân bắc) cho lúa đã được thay thế hoàn toàn bằng phân hóa học. Công đoạn làm cỏ cho lúa sau khi cấy cũng không còn vì trước khi cấy lúa, người dân đã áp dụng biện pháp phun thuốc trừ cỏ. Công đoạn gặt đập, tuốt lúa đã được ứng dụng máy gặt đập liên hoàn. Và một biến đổi phổ biến nhất trong khâu chế biến lúa gạo là việc dùng máy xay sát thay cho cối giã gạo thủ công vốn phổ biến thời điểm trước Đổi mới (1986).

3.4. *Biến đổi về hệ thống thủy lợi nội đồng*

Từ sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc (1954), hệ thống thủy lợi nội đồng của Xuân La từng bước được cải tạo. Ruộng đồng được quy hoạch lại từng cánh đồng, hệ thống mương máng tưới tiêu từng bước được khơi thông đảm bảo cho việc tưới tiêu được cải thiện hơn, giải quyết tình trạng

ngập úng cục bộ. Năm 1986, xã Phượng Dực đã tổ chức xây dựng 2 trạm bơm nước (1 trạm tại thôn Đồng Tiến, 1 trạm tại thôn Phượng Vũ) giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng và hạn hán trên ruộng đồng của xã nói chung và của thôn Xuân La nói riêng. Cùng với hệ thống mương máng được khơi thông là hệ thống cống thủy lợi được xây dựng, đường giao thông nội đồng cũng từng bước được cứng hóa, tạo thuận lợi cho công việc vận chuyển lúa, mạ, phân bón, phục vụ cho sản xuất. Tuy nhiên, khoảng 15 năm trở lại đây, người dân xoay ra làm nhiều nghề phụ mưu sinh, dẫn đến tình trạng bỏ ruộng ngày càng nhiều. Hệ thống mương máng theo đó cũng bị bỏ bê, không được khơi thông, nhất là một số con mương quanh làng rơi vào tình trạng ứ đọng, ô nhiễm rác thải nặng nề.

3.5. *Biến đổi về sản lượng nông nghiệp và việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hiện nay*

Về sản lượng nông nghiệp, sau hòa bình lập lại, nhờ chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, từng bước áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất cây trồng, vật nuôi ở Xuân La được nâng cao hơn. Cây lúa từ chỗ chỉ cấy một vụ chiêm năng suất thấp (bình quân từ 40 - 50 kg/ sào) đã cấy được hai vụ (chiêm - xuân và hè - thu) lên 70 - 80kg/ sào. Ngoài cây lúa còn có các loại cây hoa màu như khoai lang, ngô, đỗ tương, rau muống...

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, với hình thức hợp tác xã, làm ruộng tập thể, việc phân phối sản phẩm nông nghiệp được Nhà nước quản lý để phục vụ cho kháng chiến. Việc này tiếp tục trong cả một thời gian dài bao cấp sau năm 1975. Từ khi thực

hiện đường lối Đổi mới, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết 10 NQ/TW ngày 15 tháng 4 năm 1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, ruộng được giao khoán trực tiếp đến từng hộ gia đình, nhờ vậy, năng suất và sản lượng cây lúa được tăng lên rõ rệt. Từ chỗ thiếu lương thực, người dân ở đây đã thừa thóc ăn và có thể đem bán ra thị trường. Bước vào nền kinh tế thị trường, người dân đã từng bước thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong trồng trọt và chăn nuôi, dần hình thành mô hình vườn - ao - chuồng (VAC) thay cho mô hình chăn nuôi hộ gia đình nhỏ lẻ trước đây. Từ thực tiễn nhu cầu phát triển kinh tế, nhiều hộ dân ở Xuân La đã thực hiện “xé rào”, “đi trước” bằng cách tự thỏa thuận đổi ruộng đất canh tác cho nhau, tự chuyển đổi hình thức cây lúa trên diện tích đất ruộng canh tác sang làm trang trại chăn nuôi và thả cá. Từ năm 2013, công tác dồn điền đổi thửa cơ bản được hoàn thành, tạo điều kiện thuận lợi để người dân phát triển kinh tế. Trong nhiều mô hình VAC ở Xuân La, có thể kể đến mô hình tiêu biểu của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nam. Trên diện tích 4.000 m² sau quy hoạch chuyển đổi, ông Nam đã tiến hành đào ao thả cá, xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan, trồng các loại cây ăn quả lâu năm. Riêng tổng đàn lợn của ông vào lúc cao điểm có khoảng 20 con lợn sề, 200 con lợn thương phẩm. Những năm thuận lợi, không bị dịch bệnh, có thể đem lại nguồn thu khoảng 400 triệu đồng/ năm (sau khi đã trừ các khoản chi phí). Ngoài ra, trong chăn nuôi lợn, ông Nam còn sử dụng bình biogas tận dụng và xử lý phân lợn làm chất đốt, vừa tiết kiệm nhiên liệu, vừa thân thiện với môi trường.

Đối với đất ruộng trồng lúa, một vài năm trở đây, do đặc điểm làng Xuân La có nhiều

nghề phụ, người dân đi làm nghề hoặc buôn bán dẫn đến tình trạng bỏ ruộng ngày càng nhiều. Từ thực tế này, một số hộ dân đã năng động đứng ra nhận canh tác với tổng diện tích lớn. Tiêu biểu như hộ gia đình ông Đặng Văn Khuynh. Vốn là hộ gia đình làm dịch vụ máy cày cho các hộ dân, ông đã đứng ra nhận cày gần 3 ha ruộng của các hộ, tổ chức thuê cấy, gặt. Vụ chiêm xuân (2021) vừa qua, gia đình ông thu hoạch được trên 10 tấn thóc. Lúa cấy chủ yếu là giống Bắc Thơm, giá trung bình 9.000đ/ kg, sau khi trừ các khoản chi phí nhân công, phân bón, thuế..., số tiền lãi thu được khoảng trên 60 triệu đồng. Ông Khuynh cho biết trong thời gian tới, gia đình ông sẽ tiếp tục nhận thêm ruộng của các hộ theo phương châm “càng nhiều càng ít”.

Về phân phối và tiêu thụ sản phẩm, nếu như trước đây, mỗi hộ gia đình tự cấy lúa để đảm bảo lương thực, thì khoảng chục năm trở lại đây, người dân làm nghề phụ và các dịch vụ, không cấy ruộng, nên việc phân phối, tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp (gạo) đã dần chuyển sang hình thức trao đổi, mua bán. Hiện ở Xuân La có 1 hộ gia đình chuyên làm nghề “hàng xáo”, cung cấp gạo tận nhà cho các hộ dân trong làng.

4. Từ sự biến đổi trong sản xuất nông nghiệp ở làng Xuân La, nhìn nhận về xu hướng biến đổi trong sản xuất nông nghiệp ở nông thôn Bắc Bộ hiện nay

Có thể thấy hiện nay, dưới tác động của chính sách đổi mới và xu thế hiện đại hóa, nền nông nghiệp chiêm trũng ở Xuân La đã biến đổi rất nhiều so với truyền thống, được thể hiện trên một số phương diện:

Thứ nhất là, việc thay thế hầu như hoàn toàn các công cụ sản xuất truyền thống bằng máy móc hiện đại, giải phóng sức lao động cho người nông dân. Đến nay, người dân đã không còn dùng cày, bừa và trâu kéo như trước, mà thay thế hoàn toàn bằng máy móc.

Thứ hai là, từ những xứ đồng manh mún, phân bố rải rác xung quanh làng, ngày nay, thông qua việc thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, đồng ruộng của người dân đã có sự quy hoạch tập trung, phục vụ cho người dân chuyển đổi mục đích sử dụng đất, từ nông nghiệp trồng lúa và hoa màu sang kinh doanh.

Thứ ba là, việc từng bước áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào đồng ruộng làm cho năng suất, chất lượng sản phẩm của cây trồng cũng được nâng cao hơn so với truyền thống. Ngày nay, nhiều giống lúa mới như Mộc Tuyền, Bao Thai, Bắc Thơm, lai Trung Quốc, Khang Dân... được người dân đưa vào gieo trồng, sinh trưởng ngắn ngày hơn và cho năng suất cao hơn so với trước.

Tuy nhiên, bên cạnh những biến đổi tích cực, nền sản xuất nông nghiệp ở đây cũng bộc lộ một số mặt hạn chế đáng lưu ý:

Một là, hiện tượng nông dân bỏ ruộng diễn ra khá phổ biến. Theo số liệu do cán bộ xã Phượng Dực cung cấp, hiện nay ở Xuân La, tỷ lệ nông dân bỏ ruộng là khoảng trên 70% (Đảng ủy xã Phượng Dực, 2020). Nguyên nhân chủ yếu do sự phát triển của xã hội, nhận thấy làm ruộng không đem lại thu nhập cao, người dân đã tiến hành làm rất nhiều nghề khác nhau để mưu sinh, phát triển kinh tế như dịch vụ, xuất khẩu, may mặc, sản xuất nhựa composite, nặn tò he, làm dịch vụ hội chợ... Từ đó dẫn đến hiện tượng bỏ ruộng ngày càng nhiều, nông nghiệp không còn là nghề sản xuất chủ đạo như trước nữa.

Hai là, việc dồn điền đổi thửa đã thực hiện xong, nhưng tình trạng nông dân giữ đất không muốn chuyển đổi cho người khác với mục đích “chờ đền bù” vẫn xảy ra, gây khó khăn cho việc tích tụ ruộng đất phục vụ sản xuất chuyên canh. Chính vì vậy mà ở đây chưa phát huy được tiềm năng và lợi thế của đồng ruộng. Sản xuất nông nghiệp vẫn mang tính tự cấp, tự túc, chưa trở thành sản xuất hàng hóa.

Ba là, nhiều tác động ảnh hưởng tiêu cực đến cảnh quan, môi trường. Đường giao thông được cứng hóa, nhưng hệ thống mương máng không được khơi thông, nước không vào được ruộng. Thêm vào đó, tình trạng nước bị ô nhiễm xảy ra thường xuyên, ảnh hưởng xấu đến chất lượng cây trồng. Hiện tượng xây dựng công trình trên các khu ruộng để phục vụ phát triển kinh tế làm cho cảnh quan ruộng đồng không còn được “thẳng cánh cò bay” như trước. Đặc biệt, có một số hộ tham gia thành lập doanh nghiệp sản xuất nhựa composite gây ô nhiễm môi trường rất nặng nề.

Bốn là, tình trạng lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, trừ cỏ, thuốc kích thích ngày càng phổ biến, thay vì dùng các loại phân hữu cơ như trước, đã tác động ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sinh thái ở nông thôn. Cụ thể hiện nay, do ảnh hưởng của phân hóa học, thuốc trừ sâu, trừ cỏ, các sinh vật trong đồng ruộng như: ếch, nhái, rắn, ba ba, châu chấu, đĩa, cà cuống, niềng niềng, ốc nhồi, sắn sắt, đom đóm... ngày càng trở nên hiếm gặp, nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng, dẫn đến mất cân bằng sinh thái. Vấn đề chất lượng và sự an toàn của sản phẩm, của cây trồng do ảnh hưởng của việc lạm dụng các loại phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc kích thích cũng rất đáng lo ngại. Theo các chuyên gia, hầu hết các loại

thuốc bảo vệ thực vật đều có độc tính cao. Trong quá trình sử dụng, một dư lượng thuốc nào đó có thể ngấm vào thân cây, quả, hoặc dính, bám chặt trên lá, quả. Người và động vật ăn phải các loại nông sản này có thể bị ngộ độc tức thời, hoặc nhiễm độc nhẹ, từ từ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe. Một số loại thuốc trừ sâu có khả năng bay hơi mạnh gây nên cảm giác khó chịu, mệt mỏi, thậm chí choáng ngất cho người trực tiếp phun thuốc sâu trên đồng ruộng, nhất là trong trường hợp không có các biện pháp phòng tránh tốt. Một số loại thuốc trừ sâu có tính năng hóa học ổn định, khó phân hủy, nên sẽ tích lũy trong môi trường. Sau nhiều lần sử dụng, lượng tích lũy này có thể cao đến mức gây độc cho môi trường đất, nước, không khí và con người.

5. Kết luận

Nhìn một cách tổng quát, trước bối cảnh toàn cầu hóa và hiện đại hóa, nền sản xuất nông nghiệp ở làng Xuân La nói riêng và các làng quê ở châu thổ Bắc Bộ nói chung đã không ngừng vận động, biến đổi: từ việc đồng ruộng trước chỉ cấy được một vụ lúa, nay là 3 vụ (2 vụ lúa, một vụ màu) đến việc hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ cho việc tưới tiêu được cải tạo, giải quyết tình trạng phụ thuộc vào tự nhiên. Nền sản xuất nông nghiệp truyền thống từ chỗ thuần túy thủ công đã từng bước được áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, giải phóng sức người và nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi; sản xuất nông nghiệp truyền thống vốn mang nặng tính tự cung, tự cấp đã dần trở thành sản phẩm hàng hóa. Đặc biệt, nghề trồng lúa nước đã chuyển đổi theo chiều hướng

mất dần vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, từng bước nhường chỗ cho các ngành nghề khác như dịch vụ, kinh doanh đem lại thu nhập cao hơn. Lối sống của cư dân từ chỗ phụ thuộc vào mùa màng, trông chờ, ỷ lại vào tự nhiên dần năng động hơn với cơ chế thị trường và các mối quan hệ xã hội. Tuy nhiên, trong sự biến đổi cũng bộc lộ nhiều mặt hạn chế như tình trạng nông dân bỏ ruộng ngày càng nhiều, có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh lương thực; tình trạng ruộng đất vẫn còn phân tán, gây khó khăn cho việc tích tụ ruộng đất, phục vụ việc sản xuất chuyên canh; tình trạng ô nhiễm môi trường, cảnh quan, lạm dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc kích thích ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của chính con người... Vấn đề mấu chốt đặt ra trong sự biến đổi của sản xuất nông nghiệp ở Xuân La nói riêng và các làng chiêm trũng Bắc Bộ nói chung là làm thế nào để phát triển một nền nông nghiệp bền vững, hạn chế thấp nhất những tác động tiêu cực đến môi trường, đến văn hóa của người nông dân từ bao đời gắn bó với đồng ruộng.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (2014), *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Phượng Dực (1930 - 2010)*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
2. Đảng ủy xã Phượng Dực (2020), *Báo cáo kết quả xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2012 - 2019 xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội*, Lưu hành nội bộ.
3. Xuân Quế (2008), *Làng Xuân La với nghề nặn tò he*, Hội Văn học Nghệ thuật Hà Tây.
4. Đặng Kim Sơn (2006), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, 20 năm đổi mới và phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.